

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International  
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.  
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156-158 Phó Quang, P.9, Q. Phú Nhuận, HCM.  
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 0090  
Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



Mang tri thức phục vụ khách hàng

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
**TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG**

**REANDA**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo Ban Điều hành	02 - 03
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
3. Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2013	06 - 15
4. Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2013	16 - 19



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban điều hành Công Ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2013 kết thúc ngày 31/12/2013.

**1. Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương, tên giao dịch quốc tế là Hung Vuong Securites Join Stock Company, viết tắt là HV.S., JSC, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 99/UBCK - GP của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ tư theo Quyết định số 22/GPĐC - UBCK cấp ngày 28 tháng 05 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật từ bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh sang ông Nguyễn Nhật Minh Triều.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 05 năm 2013 là 50.200.000.000 đồng, được chia thành 5.020.000 cổ phần.

Vốn pháp định của Công ty: 35.000.000.000 VNĐ

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty bao gồm:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ /vốn góp	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Ông : Tong Chin Hen	45,51%	2.284.800	22.848.000.000
2	Ông : Nguyễn Thành Tài	15,34%	770.000	7.700.000.000
3	Ông : Trần Duy Quang	14,16%	711.000	7.110.000.000
4	Bà : Trần Thị Kim Thy	13,96%	700.800	7.008.000.000
5	Ông : Nguyễn Nhật Minh Triều	6,94%	348.400	3.484.000.000
6	Ông : Ngu Chie Kieng	3,49%	175.000	1.750.000.000
7	Ông : Trần Kim Điệp	0,60%	30.000	300.000.000
<b>CỘNG</b>		<b>100,00%</b>	<b>5.020.000</b>	<b>50.200.000.000</b>

**2. Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại : +84 (8) 6291 5358  
 Fax : +84 (8) 6291 5359  
 Mã số thuế : 0306 353 700

**3. Ngành nghề kinh doanh của công ty:**

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**4. Hội đồng quản trị và Ban điều hành:**

4.1 Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông : Tong Chin Hen                      Chủ tịch  
 Ông : Nguyễn Thành Tài                Thành viên  
 Ông : Ngu Chie Kieng                    Thành viên

4.2 Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông : Trần Duy Quang                    Trưởng ban  
 Bà : Đoàn Lê Duy Uyên                Thành viên  
 Ông : Diệc Lệ Bình                        Thành viên

**4.3 Các thành viên của Ban điều hành**

Bà : Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 05/03/2013
Ông : Nguyễn Nhật Minh Triều	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 05/03/2013
Bà : Lê Thị Hương	Kế toán trưởng	

**5. Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Điều hành đối với Báo cáo tài chính**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2013. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2013 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên của Ban Điều hành Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 31 tháng 6 năm 2014

Thay mặt Ban điều hành  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
HÙNG VƯƠNG  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NHẬT MINH TRIỀU

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

**TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**Kính gửi:**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG**, được lập ngày 17 tháng 1 năm 2014 từ trang 07 đến trang 15, bao gồm Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (chứng khoán) Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 và các chuẩn mực khác. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm toán nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công Ty Cổ Phần Chứng khoán Hùng Vương tại thời điểm 31/12/2013 (đính kèm Báo cáo kiểm toán này) đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các qui định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính qui định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt với ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Công ty Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014



**ĐỖ THỊ HƯƠNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Giấy CNDKHN số: 0967-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietvalues

**NGUYỄN THANH HỒNG - KIỂM TOÁN VIÊN**

Giấy CNDKHN số: 1512-2013-071-1

TP. HCM ngày 10 tháng 02 năm 2014

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước**

## **BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm : 31/12/2013

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính.

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**LÊ THỊ HƯƠNG**

**TBP. Kiểm soát nội bộ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**NGUYỄN THỊ CẨM THUYỀN**

**Tổng giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**NGUYỄN NHẬT MINH TRIỀU**

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A.	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	50.200.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần			
3	Cổ phiếu Quĩ			
4	Quĩ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
5	Quĩ đầu tư phát triển			
6	Quĩ dự phòng tài chính			
7	Quĩ khác thuộc Vốn Chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo qui định của pháp luật	(24.892.502.429)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)			
10	Chênh lệch tỉ giá hối đoái			
11	Lợi ích của Cổ đông thiểu số			
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
13	Toàn phần tăng thêm hoặc giảm đi của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính			
1A	<b>Tổng</b>	<b>25.307.497.571</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG**

Địa chỉ : Khu B, 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
B	Tài sản ngắn hạn	(1)	(2)	(3)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo qui định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo qui định tại khoản 5 Điều 5			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Trả trước cho người bán			
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho			
1	Tài sản ngắn hạn khác		131.677.948	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		126.340.837	
2	Thuế GTGT được khấu trừ		5.337.111	
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác		64.250.000	
4,1	Tạm ứng		35.250.000	
	Tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		35.250.000	
4,2	Tài sản ngắn hạn khác		29.000.000	
1B	Tổng	-	195.927.948	-

0312  
 CÔNG  
 TỊCH N  
 M TỌA  
 HƯ  
 5-74  
 1101

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG**

**Địa chỉ : Khu B, 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
C	Tài sản dài hạn	(1)	(2)	(3)
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</b>			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		476.231.077	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>			
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo qui định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo qui định tại khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác			
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		767.336.910	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo qui định tại Điều 5			
<b>C</b>	<b>Tổng</b>	-	<b>1.243.567.987</b>	-
	<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C</b>		<b>23.868.001.636</b>	

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

**A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG =  $Vị\ thể\ ròng \times Giá\ tài\ sản \times Hệ\ số\ rủi\ ro\ thị\ trường$**

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				
-				
1	Tiền mặt (VND)	0%	1.212.022.798	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	23.511.000.000	-
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%		
<b>II. Trái phiếu chính phủ</b>				
-				
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định			
5,1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ của các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%		-
5,2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn dưới một năm;	3%		
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn từ 1 tới 5 năm;	4%		
	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên;	5%		
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				
-				
6	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-
<b>IV. Cổ phiếu</b>				
0%				
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%		
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội	15%		
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống Upcom	20%		
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG**

Địa chỉ : Khu B, 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán		-		
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch		-		
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		
VII. Các tài sản khác		-		
17	Cổ phần, phần vốn góp, và các loại chứng khoán khác	80%		
18	Các tài sản đầu tư khác			
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.	...			
2.	...			
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)		-		

HẠN  
VỀ  
T  
TH

**B. RỦI RO THANH TOÁN**

Loại giao dịch	Giá trị rủi ro:						Tổng giá trị rủi ro
	(1): hs 0%	(2): hs 0,8%	(3): hs 3,2%	(4): hs 4,8%	(5): hs 6%	(6): hs 8%	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>	<b>= H/số RRTT theo đối tác x Giá trị TS tiềm ẩn rủi ro thanh toán</b>						
Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán						1.880.880.000	1.880.880.000
Cho vay chứng khoán / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							0
Vay chứng khoán / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							0
Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							0
Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							0
Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (Cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							0
<b>Cộng</b>							<b>1.880.880.000</b>

**II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán : = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán**

Thời hạn thanh toán	Hệ số rủi ro	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-
16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		-
31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		-
Từ 60 ngày trở đi	100%		-



Cộng	-	-
------	---	---

**III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)**

Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1 .....			
Cộng			
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)</b>			<b>1.880.880.000</b>

Ghi chú:

- (1): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký Chứng khoán
- (3): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD
- (4): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc ngoài khối OECD
- (5): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập và hoạt động ở Việt nam
- (6): Giá trị rủi ro thanh toán đối với tập đoàn nhà nước, Tổng công ty nhà nước, Công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước
- (7): Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác

**C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)**

<b>I.</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng</b>	<b>7.072.509.723</b>
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	1.346.917.934
<b>II.</b>	1. Chi phí khấu hao	1.346.917.934
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	
<b>III.</b>	<b>Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)</b>	<b>5.725.591.789</b>
<b>IV.</b>	<b>25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ</b>	<b>1.431.397.947</b>
<b>V.</b>	<b>20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán</b>	<b>7.000.000.000</b>
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max (IV,V))</b>		<b>7.000.000.000</b>
<b>D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>		<b>8.880.880.000</b>

TR  
KIẾ  
C  
N

9  
C  
C  
L  
N

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1.880.880.000	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	
4	<b>Tổng giá trị rủi ro (4 = 1+2+3)</b>	<b>8.880.880.000</b>	
5	<b>Vốn khả dụng</b>	<b>23.868.001.636</b>	
6	<b>Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6 = 5/4)</b>	<b>269%</b>	

03  
C  
CH  
V T  
HU  
/ /  
9  
IN  
IG  
G  
/ /



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương, tên giao dịch quốc tế Hung Vương Securites Join Stock Company, viết tắt là HVS., JSC, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 99/UBCK - GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ tư theo Quyết định số 22/GPĐC - UBCK cấp ngày 28 tháng 05 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật từ Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh sang Ông Nguyễn Nhật Minh Triều.

Trụ sở chính được đặt tại Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Loại hình kinh doanh (Theo Giấy phép số 99/UBCK-GP):

- Môi giới chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn góp cổ phần theo Giấy phép số 99/UBCK-GP của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 50.200.000.000 VND, gồm có các cổ đông dưới đây:

STT	Tên	Loại cổ đông	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ (%)
1	Ông Tong Chin Hen	Cổ đông góp vốn	22.848.000.000	45,51%
2	Ông Nguyễn Thành Tài	Cổ đông góp vốn	7.700.000.000	15,34%
3	Ông Trần Duy Quang	Cổ đông góp vốn	7.110.000.000	14,16%
4	Ông Trần Thị Kim Thy	Cổ đông góp vốn	7.008.000.000	13,96%
5	Ông Nguyễn Nhật Minh Triều	Cổ đông góp vốn	3.484.000.000	6,94%
6	Ông Ngu Chie Kieng	Cổ đông góp vốn	1.750.000.000	3,49%
7	Ông Trần Kim Điệp	Cổ đông góp vốn	300.000.000	0,60%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>50.200.000.000</b>	<b>100,00</b>

#### Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

Ông: Tong Chin Hen	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Thành Tài	Thành viên
Ông: Ngu Chie Kieng	Thành viên

#### Các thành viên của Ban Điều hành:

Bà :Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/03/2013
Ông :Nguyễn Nhật Minh Triều	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 05/03/2013
Bà :Lê Thị Hương	Kế toán trưởng	

Tổng số nhân viên và người lao động : 19 người

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính : không phát sinh.

## **II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **1. Tuyên bố về tuân thủ:**

Báo cáo tỷ lệ An toàn Tài chính đã được lập phù hợp với các qui định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính.

### **2. Cơ sở số liệu tài chính:**

Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và cho năm tài chính 2013 kết thúc cùng ngày. Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm 2013 kết thúc ngày 31/12/2013.

## **III. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

### **1. Tỷ lệ Vốn khả dụng:**

Tỷ lệ Vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức qui định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng X 100\%}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động

### **2. Vốn khả dụng:**

*a. Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, bao gồm :*

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần;
- Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ;
- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ dự phòng tài chính;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Lợi ích của cổ đông thiểu số;
- Các khoản giảm trừ;
- Các khoản tăng thêm.

*b. Các khoản điều chỉnh tăng :*

- Giá trị các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 5 năm của Công ty (nếu có) có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 10 năm (nếu có) đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước; và
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn tài chính.

**c. Các khoản điều chỉnh giảm:**

- Các chỉ tiêu trong tài sản dài hạn;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn tài chính;
- Các tài sản dài hạn và ngắn hạn thời
- Các khoản ngoại trừ (nếu có) trên

**3. Giá trị rủi ro thị trường**

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo qui định của Thông tư Thông tư số 226/2010/TT-BTC như sau :

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG =** Vị thế ròng X Giá tài sản X Hệ số rủi ro thị trường

**Giá tài sản**

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá được qui định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC như sau:

- Tiền : Số dư tài khoản tại ngày tính
- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh : Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là Max(Giá trị sổ sách ; Giá mua ; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)
- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội : Giá giao dịch bình quân tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là Max(Giá trị sổ sách ; Giá mua ; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)
- Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM : Giá giao dịch bình quân tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là Max(Giá trị sổ sách ; Giá mua ; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)

**Hệ số rủi ro thị trường**

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo qui định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

**Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm**

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác sinh theo qui định sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

Công ty không phát sinh giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

**4. Giá trị rủi ro thanh toán:**

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau :

- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo nguyên tắc sau :

**Giá trị rủi ro trước thời hạn thanh toán =**

**Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác X Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán**

Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau ;

**Giá trị rủi ro quá thời hạn thanh**

**Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian X Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ : Khu B, 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

### Hệ số rủi ro thanh toán :

Căn cứ Thông tư số 226/2010/TT-BTC, hệ số rủi ro trước thời hạn thanh toán cho loại giao dịch “Tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán” đối với “Các tổ chức, cá nhân khác” mà Công ty áp dụng là 8%.

Căn cứ Thông tư số 226/2010/TT-BTC, hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian cho các khoản phải thu quá thời hạn từ 60 ngày trở đi mà Công ty áp dụng là 100%.

### Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán:

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại. Tại Công ty chỉ tính rủi ro cho loại giao dịch “Tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán” là toàn bộ giá trị khoản cho vay / tiền gửi.

### Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty được điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản đảm bảo là tiền, các khoản tương đương tiền, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;

- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản đảm bảo trong trường hợp đối tác hoặc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

- Giá trị tài sản đảm bảo tính giảm trừ được xác định như sau :

$Giá\ trị\ tài\ sản\ đảm\ bảo = Khối\ lượng\ tài\ sản\ X\ Giá\ tài\ sản\ X\ (1 - Hệ\ số\ rủi\ ro\ thị\ trường)$

### Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán :

Công ty không tính phần tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

### 5. Giá trị rủi ro hoạt động:

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới tháng gần nhất hoặc 20% vốn pháp định theo qui định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ trừ đi :

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn và
- Dự phòng phải thu khó đòi.

TP. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Kế toán trưởng

Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



LÊ THỊ HƯƠNG

NGUYỄN THỊ CẨM THUYỀN

NGUYỄN NHẬT MINH TRIỀU